| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 487/2025/DS-ST
Ngày: 16-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Kim Định.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

2. Bà Hoàng Thị Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 08 tháng 9 và ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 43/2025/QĐST-DS ngày ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa:

*1. Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: G F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Dũng S**, sinh năm 1998 hoặc bà **Bùi Công Phú H**, sinh năm 1996 hoặc ông **Bùi Bảo T**, sinh năm 1984 (bà H vắng mặt, Ông S có mặt, ông Toàn vắng mặt).

Cùng địa chỉ: G F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Trần Dũng S** là bà **Dương Thị Diệu Th** - Luật sư của Công ty Luật TNHH H thuộc O thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: G F, phường C, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông **Đặng Trần K**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: G, tầng X, X, chung cư X, Lô B, U, khu phố O, phường BZ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: G, tầng X, X, chung cư C, Lô B, U, xã X, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1950 (có mặt).

Địa chỉ: G F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

*4. Người làm chứng*: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: G F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Dũng S trình bày:*

Cha ruột của ông L là ông Nguyễn Văn L trước đây có quen biết và hợp tác làm ăn với ông Đặng Trần K. Năm 2005, Ông L cùng Ông K, bà Đỗ Bích N vốn thành lập Công ty Cổ phần kinh doanh địa ốc U.

Năm 2007, Ông K có gợi ý Ông L hùn tiền mua 02 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông L không biết rõ vị trí đất, số tờ, số thửa, diện tích, việc hùn tiền mua đất chỉ là thỏa thuận miệng giữa Ông K và Ông L. Do ông L đã trưởng thành nên Ông L cũng muốn mua 02 lô đất để cho ông L cùng anh trai ông L xây nhà và lập gia đình. Theo đó, để làm tin cho việc hùn tiền mua đất, ngày 05/02/2007, Ông K đã ký giấy Biên nhận có mượn của ông Nguyễn Văn L số tiền 271.250.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Mặc dù ký giấy Biên nhận xác nhận mượn tiền của ông L nhưng thực chất đây đều là tiền của ông Nguyễn Văn L hùn vốn cho ông Đặng Trần K. Ông Đặng Trần K hứa trong vòng 06 tháng nếu không thể hoàn thành thủ tục để bán 02 lô đất cho Ông L thì sẽ hoàn trả số tiền trên cho Ông L nên trong giấy Biên nhận có ghi "Hẹn trong vòng 6 tháng hai bên sẽ thanh toán trả hết số nợ này" Nhưng từ khi ký giấy Biên nhận đến nay Ông K không hoàn tất thủ tục cũng như không tiến hành bán 02 lô đất nào cho Ông L cả.

Sau nhiều lần yêu cầu Ông K thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, đến ngày 20/6/2023, ông Đặng Trần K mới chỉ trả cho ông L số tiền là 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị L là em gái của ông L.

Như vậy, tính đến nay, ông Đặng Trần K còn đang giữ của ông Nguyễn Văn L số tiền là: 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Xét thấy thời gian đã quá lâu và việc mua đất không có khả năng thực hiện, ông L khởi kiện Ông K, ông L yêu cầu ông Đặng Trần K trả lại số tiền nêu trên cho cha ông L là ông Nguyễn Văn L.

Bên cạnh đó, Ông K đã giữ số tiền nêu trên của ông Nguyễn Văn L rất lâu,

gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình ông, làm xào xáo gia đình, khiến ông L không thể xoay xở khi gặp sự kiện cấp thiết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sinh hoạt của gia đình ông L.

Do đó, nay bà đại diện ông L yêu cầu xem xét giải quyết nội dung sau:

1. Buộc ông Đặng Trần K trả lại cho ông L số tiền đã nhận theo Biên nhận ngày 05/02/2007 là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Buộc ông Đặng Trần K chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do đã giữ số tiền của ông L quá lâu mà không thể thực hiện nghĩa vụ, tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (06/8/2007) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 06/8/2025 là: 171.250.000 x 10%/năm x 18 năm = 308.250.000 đồng (Ba trăm linh tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng, ông Đặng Trần K phải thanh toán cho ông L số tiền là: 479.500.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, ông Trần Dũng S có yêu cầu:

1. Buộc ông Đặng Trần K trả lại cho ông L số tiền đã nhận theo Biên nhận ngày 05/02/2007 là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Buộc ông Đặng Trần K chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do đã giữ số tiền của ông L quá lâu mà không thể thực hiện nghĩa vụ, tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (21/6/2023) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 171.250.000 x 10%/năm x 02 năm 02 tháng 26 ngày = 38.428.500 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng, ông Đặng Trần K phải thanh toán cho ông L số tiền là: 209.678.500 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Không có việc cấn trừ đất cho ông L vào năm 2009 như phía Ông K trình bày. Ông L, ông L không có nhận bất kỳ diện tích đất nào do Ông K chuyển nhượng.

Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện nguyên đơn ông Trần Dũng S: Luật sư Dương Thị Diệu Th có ý kiến như sau:

- Ông Đặng Trần K thừa nhận có ký vào giấy Biên nhận ngày 05/02/2007.

- Ông Đặng Trần K và ông Nguyễn Văn L thống nhất số tiền ban đầu của Ông L bỏ ra hùn làm ăn chung với Ông K đã chuyển giao cho ông Nguyễn Văn L theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Giấy thỏa thuận ngày 09/7/2023 là hành vi pháp lý đơn phương của ông Đặng Trần K.

- Căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với việc đòi lại tiền gốc của ông Nguyễn Văn L đã cho ông Đặng Trần K mượn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc ông Đặng Trần K trả lại cho ông L số tiền đã nhận theo Biên nhận ngày 05/02/2007 là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Buộc ông Đặng Trần K chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do đã giữ số tiền của ông L quá lâu mà không thể thực hiện nghĩa vụ, tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (21/6/2023) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 171.250.000 x 10%/năm x 02 năm 02 tháng 26 ngày = 38.428.500 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng, ông Đặng Trần K phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền là: 209.678.500 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

*Bị đơn ông Đặng Trần K trình bày*: Nguồn gốc tài sản tranh chấp (tiền mượn nợ): Vào năm 2005 Ông K và ông Nguyễn Văn L (Bố ông Nguyễn Văn L – nguyên đơn trong vụ kiện) cùng góp vốn mua nhà đất, Ông L góp 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Đến năm 2007 Ông L yêu cầu ngưng hợp tác mua đất chung, Ông K đồng ý và Ông L để lại phần vốn góp cộng thêm lãi bảo toàn vốn thành tiền 540.000.000 đồng(có số lẻ), Ông K ký nhận phần nợ này với hai con Ông L vào ngày 05/02/2007.

Ông K nợ ông L (nguyên đơn): 271.250.000 đồng; Ông K nợ ông Sùng là 272.000.000 đồng.

Như vậy kể từ ngày 05/2/2007 phát sinh quan hệ giữa Ông K và ông L là quan hệ chủ nợ và người thiếu nợ là Ông K, Ông L không còn liên quan đến việc này.

Sáu tháng sau ngày ký giấy nợ này các bên đồng ý gia hạn bởi lúc đó tôi không có số tiền thanh toán toàn bộ cho phía ông L.

Năm 2009, khi xác định Ông K có tài sản (1000m$^2$ đất được thưởng tại phường Tân Tạo, Bình Chánh) là đất đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L, ông Sùng và Ông L ép Ông K ký giao cho ông L 150m$^2$, ông Sùng 150m$^2$. Hai bên lập thỏa thuận và xác định mọi giao dịch mượn tiền năm 2007 kể trên hủy bỏ. Như vậy quan hệ mượn tiền giữa Ông K và ông L đã giải quyết xong chấm dứt nợ nần từ năm 2009.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông L thì Ông K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông L.

Ông K yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông là cha ruột của ông Nguyễn Văn L, trước đây ông có quen biết và hợp tác làm ăn với ông Đặng Trần K. Năm 2005, ông cùng Ông K và bà Đỗ Bích Nvốn

thành lập Công ty Cổ phần kinh doanh địa ốc U.

Năm 2007, Ông K có gợi ý cho ông hùn tiền mua 02 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc hùn tiền mua đất chỉ là thỏa thuận miệng. Do các con đã trưởng thành nên ông cũng mong muốn mua 02 lô đất để con ông xây nhà và lập gia đình. Theo đó, để làm tin cho việc hùn tiền mua đất, ngày 05/02/2007, Ông K đã ký giấy Biên nhận có mượn của ông Nguyễn Văn L số tiền 271.250.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Mặc dù ký giấy Biên nhận xác nhận mượn tiền của ông L nhưng thực chất đây đều là tiền hùn vốn cho ông Đặng Trần K. Ông Đặng Trần K hứa trong vòng 06 tháng nếu không thể hoàn thành thủ tục để bán 02 lô đất cho ông thì sẽ hoàn trả số tiền trên nên trong giấy Biên nhận có ghi "Hẹn trong vòng 6 tháng hai bên sẽ thanh toán trả hết số nợ này" Nhưng từ khi ký giấy Biên nhận đến nay Ông K không hoàn tất thủ tục cũng như không tiến hành bán 02 lô đất nào cho ông.

Sau nhiều lần yêu cầu Ông K thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, đến ngày 20/6/2023, ông Đặng Trần K mới chỉ trả cho ông L số tiền là 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị L là con gái của ông). Như vậy, tính đến nay, ông Đặng Trần K còn đang giữ số tiền là 171.250.000 đồng.

Không có việc cấn trừ đất cho ông L vào năm 2009 như phía Ông K trình bày. Ông L, ông L không có nhận bất kỳ diện tích đất nào do Ông K chuyển nhượng.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên dơn, ông đề nghị Tòa xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày*: Bà L em ruột của ông Nguyễn Văn L, việc Ông K, và ông L vay mượn hay góp vốn làm ăn như thế nào thì bà không biết, nhưng ngày 20/6/2023 cha Bà L ông Nguyễn Văn L có nói cho ông mượn số tài khoản để ông Đặng Trần K chuyển khoản trả cho ông L số tiền 100.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà, bà đồng ý và Ông K đã thực hiện chuyển khoản cụ thể như sau: Thời gian thực hiện vào lúc 19:53:36 giây ngày 20/06/2023 từ tài khoản 0939527979 tên DANG TRAN KET tới tài khoản 36810000502311 ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), tên Nguyễn Thị L, bà có nhận được số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: DANG TRAN KET chuyển khoản. Sau đó bà có rút ra đưa anh Bà L ông L 100.000.000 đồng. Sau đó hai bên tranh chấp như thế nào thì bà không biết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đặng Trần K. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Trần K cư trú G, tầng X, X, chung cư X, Lô B, U, khu phố O, phường BZ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Căn hộ số 22, tầng 23, Block HQ4, chung cư HQC Plaza, Lô CC1, Nguyễn Văn Linh, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào năm 2007, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đồng thời năm 2023, phía bị đơn có thực hiện giao dịch chuyển khoản trả tiền cho nguyên đơn, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Bị đơn ông Đặng Trần K yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi mở phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự:

*2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.*

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L cung cấp giấy viết tay "Biên nhận" đề ngày 05/02/2007, nội dung Hôm nay ngày 05 tháng 02 năm 2007, tôi tên Đặng Trần K CMND: 022723021 cấp 07.5.1999 tại TP.HCM có mượn của ông Nguyễn Văn L hiện ngụ tại 89/48 đường Phan Huy Ích, p15, Q.Tân Bình số tiền 271.250.000đ, hẹn trong vòng sáu tháng hai bên sẽ thanh toán số tiền nợ này, người nhận tiền ký tên Đặng Trần K.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Các bên trình bày có việc hùn tiền mua đất với nhau thỏa thuận với nhau bằng lời nói, nhưng sau đó không thực hiện được, các bên cũng không có đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc góp vốn mua đất cụ thể như thế nào nên Tòa án xác định vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Căn cứ Biên nhận đề ngày 05/02/2007 giữa ông Nguyễn Văn L và ông Đặng Trần K thể hiện ông L có cho Ông K vay số tiền 271.250.000 đồng (Hai trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong giấy biên nhận thể hiện nội dung Ông K đã nhận tiền ngay sau khi ký giấy vay tiền này, thời hạn vay trong vòng 6 tháng Ông K sẽ thanh toán trả hết số nợ này. Xét thấy, khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi; việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội, phù hợp với

quy định tại Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Biên nhận đề ngày 05/02/2007 có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nguyên đơn và bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong Biên nhận đề ngày 05/02/2007 là có thật.

Sau đó, ngày 20/6/2023, ông Đặng Trần K trả cho ông L số tiền là 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị L là em gái của ông L.

Theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Hợp đồng vay tài sản.

*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005: Điều 474 quy định Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*Căn cứ điểm b, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về: Điều khoản chuyển tiếp*

*b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này;*

*c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết;*

*d) Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này.*

Đại diện nguyên đơn xác định Ông K có trả 100.000.000 đồng cho ông L vào ngày 20/6/2023 vào tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị L là em gái của ông L. Căn cứ và lời khai của Bà L và bản ảnh chụp thể hiện việc chuyển khoản thành công giao dịch qua tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB), từ tài khoản 0939527979 tên DANG TRAN KET tới tài khoản 36810000502311 ten NGUYEN THI LA ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), thời gian thực hiện vào lúc 19:53:36, ngày 20/06/2023 số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: DANG TRAN KET chuyển khoản. Điều đó xác đinh được ngày 20/6/2023 Ông K đã trả cho ông L số tiền nợ 100.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

*1. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây:*

*a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;*

*b) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;*

*c) Các bên đã tự hòa giải với nhau.*

*2. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này.*

Do đó, thời hiệu được bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo ngày Ông K chuyển khoản trả tiền cho ông L, thời hiệu được tính từ ngày 21/6/2023.

Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng.

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Như vậy trong thời gian từ ngày 21/6/2023 đến 21/6/2026 là thời điểm thời hiệu khởi kiện vẫn còn, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 22/5/2025, là còn thời hiệu khởi kiện.

Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn, bị đơn là bên có lỗi. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc buộc bị đơn ông Đặng Trần K phải trả số tiền nợ gốc là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu ông Đặng Trần K chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do đã giữ số tiền của ông L quá lâu mà không thể thực hiện nghĩa vụ, tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (21/6/2023) đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 171.250.000 x 10%/năm x 02 năm 02 tháng 26 ngày = 38.428.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

[4.3.1] Về thời gian tính lãi và mức lãi suất:

Theo nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn, bị đơn tại Biên nhận đề ngày 05/02/2007, giữa ông L, Ông K không thỏa thuận về lãi suất cho vay nhưng các bên có thỏa thuận thời gian trả tiền: Hẹn trong vòng 06 tháng sẽ trả số tiền trên. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định Biên nhận lập ngày 05/02/2007 giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Căn cứ Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

*"Bên có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."*

Căn cứ khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 . Nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

*4. Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thoả thuận.*

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có quy định:

*" 1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*

*Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)"*

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định: *"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định:

*"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".*

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định Ông K phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc là 10%/năm, từ ngày 21/6/2023 đến ngày 16/9/2025 như sau:

Từ 21/6/2023 đến 21/6/2024: 1 năm = 365 ngày

Từ 21/6/2024 đến 21/6/2025: 1 năm = 365 ngày

Từ 21/6/2025 đến 08/9/2025: 02 tháng 26 ngày

Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn cụ thể như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 171.250.000 đồng (nợ gốc chưa trả) x 10%/năm x 2 năm 2 tháng 26 ngày (thời gian chậm trả nợ gốc) = 38.428.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

[4.3.2]. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/6/2023 đến ngày 16/9/2025 là 38.428.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả lãi của nguyên đơn như nhận định mục [4.3.1].

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Trần K phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền lãi là 38.428.500 đồng. Tổng cộng là 209.678.500 đồng.

[6] Bị đơn có ý kiến năm 2009 ông đã cấn trừ đất cho phía ông L để trừ nợ theo giấy nhận nợ ngày 05/02/2007. Tuy nhiên phía đại diện hợp pháp của ông L và Ông L không thừa nhận có việc cấn trừ này. Đồng thời Ông K cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ông K có ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này là không có sơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện nguyên đơn có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.483.925 đồng; Tuy nhiên, Ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và luật người cao tuổi. Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Ông K.

Hoàn lại tiền tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn L đã nộp là 11.590.000 (mười một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052684 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) sang tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 157, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Trần K.

Buộc ông Đặng Trần K có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/6/2023 đến ngày 16/9/2025 là 38.428.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng), tổng cộng là: 209.678.500 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Trần K.

2.2. Hoàn lại số tiền tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn L đã nộp là 11.590.000 (mười một triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052684 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Kim Định**